

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TIỀN LÃNG  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2022/HNGĐ-ST

Ngày 09-3-2022

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN LÃNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Tùng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Văn Nhòng;

Ông Phạm Văn Tiến.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị D - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 213/2021/TLST-HNGĐ ngày 13-10-2021 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15-02-2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2022/QĐST-HNGĐ ngày 02-3-2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Vũ Thị D, sinh năm 19xx; nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng; có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 19xx; nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng; có mặt.

**NỘI D V U ÁN:**

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Vũ Thị D trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn T kết hôn tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng ngày 04-9-2000. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 15 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã, bất hòa. Từ đầu năm 2020 đến nay, chị và anh T sống ly thân, mỗi người ở một nơi và không quan tâm đến nhau. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T. Chị và anh T có 02 con chung là Nguyễn Hồng S,

sinh ngày 27-6-20xx đã đủ 18 tuổi, tự lao động nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết và Nguyễn Khánh L, sinh ngày 23-9-20xx; chị đề nghị được trực tiếp nuôi con Khánh L. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng cho con và tài sản chung.

Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn là anh Nguyễn Văn T trình bày: Anh đồng ý với chị D về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng anh chị hòa thuận, hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị D chơi cờ bạc và nợ khoản tiền lớn nên vợ chồng mâu thuẫn, chị D đã bỏ về nhà bố mẹ để ở. Để vợ chồng đoàn tụ nên anh đã bỏ qua mâu thuẫn tìm chị D về chung sống được khoảng 03 tháng nhưng anh chị không nói chuyện với nhau, việc ai người đẩy làm. Từ giữa năm 2021 đến nay, chị D lại bỏ về nhà bố để sinh sống. Quan điểm của anh là không ký vào giấy tờ ly hôn, việc chị D xin ly hôn là quyền của chị, anh tôn trọng. Anh chị có 02 con chung như chị D trình bày; trường hợp anh chị phải ly hôn thì cháu Nguyễn Hồng S đã đủ 18 tuổi, tự lao động nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; nguyện vọng của cháu Nguyễn Khánh L muốn ở với bố hay mẹ là quyền của cháu, anh tôn trọng. Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng cho con và tài sản chung.

Tòa án đã thu thập chứng cứ đối với gia đình, chính quyền địa phương về quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh T, thể hiện: Khoảng đầu năm 2020, chị D chơi cờ bạc nợ nần nhiều nên anh chị mâu thuẫn, chị D bỏ về nhà bố mẹ để sinh sống khoảng 6-7 tháng thì anh T đến tìm về và vợ chồng sống chung được khoảng 05 tháng nhưng anh chị chung sống như người dưng, không nói chuyện với nhau, việc ai người đẩy làm; từ giữa năm 2021 đến nay chị D lại bỏ về nhà bố mẹ để sinh sống, anh T cũng không tìm gặp chị D nữa. Anh chị có 02 con chung là Nguyễn Hồng S đã đủ 18 tuổi, đang đi nghĩa vụ quân sự và Nguyễn Khánh L, sinh ngày 23-9-20xx. Nay, chị D xin ly hôn anh T đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định pháp luật. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đã thụ lý đúng thẩm quyền và xác định đúng quan hệ pháp luật của vụ án là về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

Về hôn nhân, mâu thuẫn tình cảm giữa chị D và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị D được ly hôn anh T. Con chung Nguyễn Hồng S đã đủ 18 tuổi, nên không đặt vấn đề giải quyết; giao con Nguyễn Khánh L cho chị D trực tiếp nuôi

đường. Không xem xét, giải quyết về cấp dưỡng cho con và tài sản chung. Chị D là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm; chị D, anh Thịnh có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Vũ Thị D khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Nguyễn Văn T tại Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng. Bị đơn là anh T cư trú tại xã H, huyện Tiên Lãng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng.

- Về quan hệ hôn nhân:

[2] Chị D và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng ngày 04 tháng 9 năm 2000 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Lời khai của chị D, anh T tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được có trong hồ sơ vụ án đã làm rõ: Do vợ chồng mâu thuẫn nên từ đầu năm 2020 đến nay, anh chị đã sống ly thân, mỗi người ở một nơi và không quan tâm đến nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn, chị D trình bày do anh chị không hợp nhau, khác nhau về quan điểm sống nên thường xuyên xô sát, cãi nhau; anh T trình bày do anh chị không nói chuyện, không quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống gia đình và do chị D chơi cờ bạc, nợ nần nhiều. Chị D thừa nhận quan hệ hôn nhân trên thực tế giữa chị và anh T đã không còn tồn tại, tình cảm chị dành cho anh đã hết nên kiên quyết ly hôn; anh T thừa nhận vợ chồng mâu thuẫn kéo dài, sống ly thân đã lâu nhưng anh vẫn mong muốn vợ chồng đoàn tụ, cùng nhau nuôi dạy con chung; trường hợp chị D kiên quyết ly hôn thì anh tôn trọng quyết định của chị nhưng anh sẽ không ký vào giấy tờ ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

[4] Như vậy, chị D và anh T đã không còn yêu thương, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc gia đình; không chung sống với nhau; không tôn trọng và giữ gìn danh dự cho nhau; vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng được quy định tại Điều 19 và Điều 21 của Luật Hôn nhân và gia đình. Mâu thuẫn giữa chị D và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị D được ly hôn anh T.

[5] Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Nguyễn Hồng S, sinh ngày 27-6-20xx đã đủ 18 tuổi, tự lao động nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết và Nguyễn Khánh L, sinh ngày 23-9-20xx. Hội đồng xét xử, xét: Việc nuôi dưỡng, chăm sóc, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của con chung hai bên cha mẹ đều có tình cảm, quyền và trách nhiệm như nhau; để đảm bảo sự ổn định về mặt tâm lý, sự phát triển về mọi mặt của con, cũng như nguyện vọng của con khi ly hôn giữa anh chị nên cần áp dụng khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình giao con Nguyễn Khánh L cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng; thời hạn nuôi con kể từ ngày 09-3-2022 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung: Chị D và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Chị D là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Chị D và anh T có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị D được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung:

2.1. Con chung Nguyễn Hồng S, sinh ngày 27-6-20xx đã đủ 18 tuổi, tự lao động nuôi sống bản thân nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2.2. Chị Vũ Thị D trực tiếp nuôi con Nguyễn Khánh L, sinh ngày 23-9-20xx. Việc cấp dưỡng cho con chị D và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Thời hạn nuôi con tính từ ngày 09-3-2022 đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

4. Về tài sản chung: Chị D và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí: Chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006073 ngày 13 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng. Chị D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị D và anh T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Nhòng**

**Phạm Văn Tiến**

**Nguyễn Thanh Tùng**

***Nơi nhận:***

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Tiên Lãng;
- Chi cục THADS huyện Tiên Lãng;
- UBND xã H, huyện Tiên Lãng;  
(Đăng ký kết hôn năm 2000);
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thanh Tùng**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thanh Tùng**





**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Khắc Quyết      Trần Thế Sự**

**Nguyễn Thanh Tùng**

